| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>TỈNH BẮC KẠN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 7- 2019.
V/v tranh chấp HNGĐ.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Quang Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Văn Sinh.

2. Ông Phạm Ngọc Thịnh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Tạ Huyền Trang, là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thị Th, sinh năm 19xx, trú tại: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; tạm trú tại khu tập thể trường trung học cơ sở xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn "Có mặt".*

*2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 19xx, trú tại: thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, "Có mặt".*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lý Văn Trung, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn theo quyết định số 150/QĐ-TGPL ngày 02/5/2019, "Có mặt".*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Bàn Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương năm 20xx và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Sau khi kết hôn cuộc

sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm không thể khắc phục được. Hiện nay chị Th đang sống ly thân với anh C đến nay hơn một năm. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Trong hôn nhân vợ chồng sinh được 01con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/4/20xx. Từ trước đến nay con A ở với chị tại khu tập thể trường THCS N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 17/6/2019 anh C cùng mẹ của anh C đã đến nhà mẹ của chị để đón con A về sinh sống tại thôn T, xã V, huyện N trong khi chị không có mặt ở nhà và cũng không thông báo trước cho chị biết. Nay ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con A và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị với mức cấp dưỡng là 1.000.000,đ/tháng; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 15 hàng tháng; thời điểm cấp dưỡng là sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong hôn nhân và cho đến hiện tại vợ chồng không vay hay cho ai vay tài sản gì khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

- Về quan hệ Hôn nhân: Nhất trí với nội dung trên của chị Th và nhất trí ly hôn với chị Th.

- Về con chung: Trong hôn nhân vợ chồng sinh được 01 con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/4/20xx. Hiện nay con A đã được anh và mẹ anh đón về sinh sống cùng với anh tại thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn từ ngày 17/6/2019 đến khi vào năm học mới anh sẽ đưa con về cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con A và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp con chung là nữ thì anh nhất trí để chị Th được nuôi con và trong trường hợp Hội đồng xét xử quyết định giao con A cho chị Th nuôi con thì anh Ch không nhất trí cấp dưỡng nuôi con cho chị Th.

**- Về tài sản riêng, chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Trong hôn nhân và cho đến hiện tại vợ chồng không vay hay cho ai vay tài sản gì khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, ông Lý Văn Trung trình bày: Nhất trí sự tự nguyên ly hôn và thỏa thuận về tài sản riêng chung của các đương sự. Về điều kiện nuôi con: Tuy anh C không có nghề nghiệp ổn định; về đạo đức: anh C có lối sống lành mạnh không vi phạm pháp luật; về nơi ở: anh C sống cùng nhà với bố mẹ có cơ ngơi khang trang, rộng rãi, còn chị Th ở trong căn hộ tập thể không đủ không gian sống; chị Th kiêm nhiệm thêm công tác quản lý học

sinh bán trú không có đủ thời gian nuôi dạy con; con chung của họ đã trên 36 tháng tuổi nên căn cứ vào các điều kiện trên và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi dạy con Nguyễn Tuấn A đến khi con Anh đủ 18 tuổi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Bàn Thị Th có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ án "Hôn nhân và gia đình" với anh Nguyễn Văn C. Anh C là bị đơn hiện nay cư trú tại xã V, huyện N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS 2015).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh C xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 cấp ngày 08/8/2012; trong hôn nhân chị Thvà anh C luôn mâu thuẫn và bất đồng về quan điểm sống không có hạnh phúc làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và thực tế chị Th đã sống ly thân với anh C từ hơn một năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh C đều nhất trí ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Th và anh C là hợp pháp; các đương sự đều nhất trí ly hôn, do vậy cho chị Th được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Trong hôn nhân chị Th và anh C sinh được 01 con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/4/20xx. Từ khi ly thân đến nay con A vẫn sinh sống cùng với chị Th và do một mình chị chăm sóc, anh C không quan tâm đến con. Nay ly hôn chị Th và anh C đều có nguyện vọng nuôi con, trong đó chị Thyêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị với mức cấp dưỡng là 1.000.000,đ/tháng; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 15 hàng tháng; thời điểm cấp dưỡng là sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Còn anh C thì không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con nếu được quyền nuôi con; trong trường hợp Hội đồng xét xử giao con cho chị Th nuôi thì anh không chấp nhận cấp dưỡng nuôi con cho chị Th. Đồng thời anh C cũng trình bày: Ngày 17/6/2019 anh C đã cùng mẹ của anh C đến nhà mẹ của chị Th trong lúc chị Th đi vắng để đón con về chơi tại thôn T, xã V, huyện N, đến đầu năm học mới sẽ giao con cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên việc giao con cho ai được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét mọi mặt để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, con Nguyễn Tuấn A đến nay chưa đủ 07 tuổi đã được chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ khi chị đến công tác tại Trường THCS xã N (Ngày 10/3/20xx) cho đến nay. Nghề nghiệp của chị là nhân viên thiết bị

trường học và có thu nhập khác từ công tác quản lý học sinh bán trú, có tổng thu nhập ổn định là xxxx.000,đ/tháng theo giấy xác nhận của trường THCS xã N và có nơi ở ổn định tại nhà tập thể giáo viên gần trường học cũng là nơi có môi trường giáo dục thuận lợi. Còn đối với anh C thì bản thân anh làm nghề xây dựng tự do, công việc không ổn định và không chứng minh được về điều kiện nuôi con sau ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Nguyễn Tuấn A, tại văn bản trả lời ngày 22/4/2019 của Chủ tịch Hội phụ nữ xã V cho biết: Điều kiện gia đình của anh C khó khăn về tài chính, công việc của anh C là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, thu nhập chính của anh C là đi làm thuê, sống phụ thuộc vào gia đình. Bố, mẹ anh C đã hết tuổi lao động, sức khỏe cũng đã yếu. Anh C sinh sống thuộc vùng 135 (Là khu vực có điều kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn), anh C không đủ điều kiện nuôi con và con theo mẹ để mẹ chăm sóc là phù hợp. Ngoài ra do các đương sự không thống nhất được với nhau về mức cấp cấp dưỡng; anh C không cung cấp được tài liệu chứng minh mức thu nhập bình quân của bản thân, nên xét thấy việc giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn và chấp nhận yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của chị Th là phù hợp (Không quá 1/2 mức lương).

Trên cơ sở phân tích ở trên, xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con của chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị Bàn Thị Th và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung và cho vay chung không có, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh C là có cơ sở. Các điều kiện về nuôi con của anh C và quan điểm giao con chung cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn là chưa phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự đều là thuộc hộ cận nghèo và đều có đơn xin miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng sơ thẩm, nên xét thấy cần miễn tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng sơ thẩm cho các đương sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 và các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị Th.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bàn Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Bàn Thị Th với anh Nguyễn Văn C chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Bàn Thị Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/4/2014 đến khi con Nguyễn Tuấn A đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th với mức cấp dưỡng là 1.000.000,đ (Một triệu đồng)/tháng đến khi con Nguyễn Tuấn A đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng là vào ngày 15 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng là sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, khoản tiền phải thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không được đặt ra để xem xét, giải quyết; công nợ chung không có.

[4] Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Bàn Thị Th và tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm cho anh Nguyễn Văn C. Hoàn lại cho chị Th 300.000, đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 067xx ngày 02/x/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Án xử công khai có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- *Các Đương Sự;*
- *Người BVQ&LI hợp pháp của bị đơn;*
- *VKS nhân dân huyện;*
- *TAND tỉnh Bắc Kạn;*
- *UBND xã V;*
- *THADS huyện;*
- *Lưu HSVA, VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
Đã ký

**TRẦN QUANG HÒA**